

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Kỹ thuật cơ khí
của Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 19/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDDHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDDHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Kỹ thuật cơ khí của Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp XIII ngày 07/01/2023 của Hội đồng.

QUYẾT NGHỊ:

1. Đoàn đánh giá ngoài thực hiện khảo sát chính thức từ ngày 26 đến ngày 30 tháng 10 năm 2022 và đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Kỹ thuật cơ khí của Trường Đại học Mỏ - Địa chất của Đoàn đánh giá ngoài. Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ mức 4,0 điểm trở lên là 44 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 88%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu” (chi tiết trong Phụ lục I).



3. Kiến nghị Trường Đại học Mở - Địa chất tham khảo 11 nhóm khuyến nghị của Hội đồng (chi tiết trong Phụ lục II) và xây dựng kế hoạch, giải pháp cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường.

4. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Kỹ thuật cơ khí của Trường Đại học Mở - Địa chất theo quy định hiện hành.

5. Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục tiếp theo của Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Kỹ thuật cơ khí của Trường Đại học Mở - Địa chất được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận Chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục./





Phụ lục I

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH KỸ THUẬT CƠ KHÍ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

(Kèm theo Nghị quyết số 176/NQ-HĐKĐCLV ngày 09/01/2023 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Mức đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Mức đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1	3.67	3.67	2	66,67	Tiêu chuẩn 7	4.00	4.00	5	100
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2	3.67	3.67	2	66,67	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8	4.20	4.20	5	100
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3	3.67	3.67	2	66,67	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	5			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4	4.00	4.00	3	100	Tiêu chuẩn 9	4.00	4.00	5	100
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5	3.80	3.80	4	80,00	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10	3.83	3.83	5	83,33
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6	4.14	4.14	7	100	Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	5				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	3			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11	3.80	3.80	4	80,00
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.4	3			
					Tiêu chí 11.5	4			
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt				
		44			88%				

DỤC VÀ
 TRUNG T
 KIỂM Đ
 CHẤT L
 GIÁO D
 ỨNG ĐẠI

Phụ lục II



CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH KỸ THUẬT CƠ KHÍ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

(Kèm theo Nghị quyết số 176/NQ-HĐKĐCLV ngày 09/01/2023 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Kỹ thuật cơ khí (sau đây gọi tắt là CTĐT) của Trường Đại học Mỏ - Địa chất, giai đoạn 2017-2022, đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy, CTĐT có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau:

Mục tiêu của CTĐT ngành Kỹ thuật cơ khí được thiết lập theo định hướng ứng dụng, thể hiện sự gắn kết với Sức mạng, Tầm nhìn của Nhà trường, cơ bản phù hợp với quy định tại Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được chỉnh sửa và công bố vào các năm 2018 và 2020, trình bày kiến thức, kỹ năng, năng lực và phẩm chất mà người học cần đạt khi hoàn thành CTĐT. Bản mô tả CTĐT đã được rà soát, điều chỉnh và cập nhật theo quy định và đã được phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. Chương trình dạy học của CTĐT được thiết kế bám sát mục tiêu và chuẩn đầu ra; các học phần trong Chương trình dạy học đều được xây dựng nhằm có những đóng góp để đạt chuẩn đầu ra, tỉ lệ tín chỉ giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành tương đối hợp lý; các hoạt động dạy và học khá đa dạng, phong phú, có tính định hướng nghề nghiệp; phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học khá đa dạng; tỉ lệ giảng viên/sinh viên đáp ứng yêu cầu theo quy định; đã xây dựng bộ (KPIs) để đánh giá năng lực nhân viên; chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng, được rà soát, cập nhật hàng năm; có hệ thống phòng làm việc, phòng học, thư viện và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học; có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, được triển khai thực hiện và định kì rà soát; có hệ thống giám sát, đối sánh tiến độ học tập của người học; kết quả khảo sát, phản hồi của các bên liên quan được phân tích, báo cáo tổng hợp và đã chỉ ra được những điểm tồn tại cần khắc phục, điểm mạnh cần phát huy.

Tuy nhiên, để CTĐT tiếp tục được nâng cao chất lượng hơn nữa, Hội đồng kiến nghị Nhà trường quan tâm các lĩnh vực theo 11 nhóm giải pháp đề xuất sau đây:

i) Tiếp tục rà soát mục tiêu CTĐT của ngành với vai trò đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng việc hội nhập quốc tế, bám sát Khung trình độ quốc gia Việt Nam; đa dạng hóa hình thức công khai chuẩn đầu ra của CTĐT; có biện pháp phù hợp, hiệu quả để giám sát, đánh giá việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

ii) Rà soát và phân nhiệm lại ma trận liên hệ giữa học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT; nhất quán nội dung chuẩn đầu ra của CTĐT trong Bản mô tả CTĐT với chuẩn

B

đầu ra trong từng đề cương học phần; diễn đạt rõ ràng hơn về chuẩn đầu ra để đảm bảo đo lường đánh giá được mức độ đạt được chuẩn đầu ra; công khai Bản mô tả CTĐT và DCHP một cách rộng rãi và đa dạng hơn.

iii) Rà soát, bổ sung ma trận liên hệ nội dung từng chương/mục với chuẩn đầu ra của học phần vào đề cương chi tiết mỗi học phần; khai thác và vận dụng một cách hiệu quả các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá, cũng như định hướng phương pháp học tập cho sinh viên để hướng tới đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát, điều chỉnh, bổ sung các học phần tự chọn phù hợp với nội dung CTĐT.

iv) Có hướng dẫn cách thức chuyển tải triết lý giáo dục vào các hoạt động dạy – học; đẩy mạnh ứng dụng LMS trong dạy học và quản lý hoạt động đào tạo; khuyến khích người học nghiên cứu khoa học; tăng cường năng lực tự học và nghiên cứu; chú trọng phát triển kỹ năng mềm, tính chủ động, tự tin nhằm nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

v) Đa dạng hoá phương pháp kiểm tra đánh giá; định kỳ đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra; tăng cường năng lực cho giảng viên trong xác định phương pháp kiểm tra đánh giá theo chuẩn đầu ra.

vi) Có lộ trình thu hút, tuyển dụng được nguồn nhân lực có trình độ cao tham gia hoạt động đào tạo, bổ sung kịp thời đội ngũ kế cận bên cạnh việc đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ hiện có; hoàn thiện Bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực đội ngũ giảng viên, trong đó lưu ý đến năng lực thiết kế và phát triển chương trình, năng lực lựa chọn phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra; cụ thể hoá các quy định liên quan đến hoạt động phục vụ cộng đồng; cải tiến hoạt động lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về đội ngũ giảng viên.

vii) Thường xuyên tổ chức lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên; bổ sung các tiêu chí định lượng để đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên (KPIs), cải tiến quy trình đánh giá; có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng riêng cho nhân viên, chú trọng đào tạo bồi dưỡng chuyên môn gắn với vị trí việc làm; rà soát vị trí việc làm tại các đơn vị, cải tiến việc xây dựng kế hoạch công tác của nhân viên để lượng hóa đầy đủ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực, ... trong việc theo dõi, giám sát, đánh giá, bình xét, tạo động lực tốt cho việc hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

viii) Tìm hiểu thế mạnh khác biệt và nổi bật của sinh viên của trường so với các trường cùng đào tạo để hỗ trợ công tác tư vấn tuyển sinh, hoạt động truyền thông về TS nhằm thu hút NH, tăng số lượng thí sinh đã trúng tuyển xác nhận nhập học; rà soát, đánh giá tổng thể hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua, giới thiệu việc làm cho người học; bổ sung quy trình phối hợp giữa các đơn vị và cán bộ chuyên trách để theo dõi, giám sát và sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của



[Handwritten signature]

NH; tiếp nhận các kiến nghị của SV thông qua cuộc họp đối thoại giữa lãnh đạo Trường và Khoa với SV để có điều chỉnh, cải thiện kịp thời.

ix) Hoàn thiện hệ thống quản lý, bảo dưỡng tổng thể cơ sở vật chất, trang thiết bị; có kế hoạch bổ sung nguồn học liệu bằng tiếng Anh cho các ngành đào tạo, tăng cường hợp tác với các thư viện của các tổ chức giáo dục trong và ngoài nước; đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, đặc biệt là hệ thống máy chủ; thiết kế hệ thống thông tin tổng thể để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; quan tâm quy hoạch nhà giữ xe sinh viên phù hợp với quy mô phòng học, số lượng sinh viên.

x) Rà soát, đánh giá và cải tiến cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan bao gồm: hệ thống thu thập thông tin phản hồi; bộ phiếu khảo sát; đồng bộ hoá và có cơ chế giám sát việc thu thập và sử dụng thông tin phản hồi. Tổ chức hội thảo/seminar, khảo sát các bên liên quan nhằm rà soát, đánh giá và cập nhật quy trình thiết kế, phát triển chương trình dạy học; định kì thu thập đầy đủ ý kiến các bên liên quan làm cơ sở thiết kế chuẩn đầu ra, chương trình dạy học và cải tiến cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ người học; quy định/ hướng dẫn việc lựa chọn các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá người học nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra; thường xuyên rà soát các công cụ đo lường đánh giá chuẩn đầu ra học phần; ban hành quy trình duyệt và đánh giá đề thi; xây dựng bộ tiêu chí cụ thể, có các KPIs rõ ràng làm công cụ để đánh giá chất lượng cho từng dịch vụ hỗ trợ người học.

(xi) Nâng cao hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp; tăng cường kết nối với sinh tốt nghiệp để tăng cao hơn tỉ lệ sinh tốt nghiệp phản hồi khảo sát việc làm. Đổi mới nội dung khảo sát việc làm để tăng lượng thông tin hữu ích hỗ trợ cho việc đổi mới CTĐT nhằm gia tăng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp tự tạo việc làm và có việc làm đúng ngành đào tạo.

* * *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể, khả thi cho việc thực hiện đảm bảo và cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kì kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục đối với CTĐT gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh theo quy định./.